

SÂM CAU (Thân rễ)

Tro không tan trong acid hydroclorid

Không quá 7,0 % (Phụ lục 9.7).

Tạp chất

Không quá 1 % (Phụ lục 12.11).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 2 g bột dược liệu (qua rây có kích thước mắt rây 2 mm), cho vào bình nón, thêm *ethanol* 25 % (TT) ngập dược liệu, siêu âm nhiều lần ở nhiệt độ 40 °C đến 45 °C đến hết chất nhầy {Lấy 1 ml dịch chiết lần cuối cùng, thêm vài giọt *dung dịch chì acetat* 20 % (TT), không còn tủa nữa là được}. Gộp các dịch chiết *ethanol*, bốc hơi đến dạng cao lỏng (1/5). Kết tủa chất nhầy bằng *dung dịch chì acetat* 20 % (TT) (dùng 15 ml đến 20 ml). Lọc qua giấy lọc đã cân bì trước. Rửa tủa trên giấy lọc đến khi nước rửa hết phản ứng của chì {lấy 1 ml dịch lọc, thêm vài giọt *dung dịch natri sulfat* 10 % (TT), khi không còn tủa trắng là được}. Sấy khô tủa ở 110 °C đến khối lượng không đổi và cân. Dược liệu phải chứa không ít hơn 25,0 % chất chiết được bằng *ethanol* 25 % (TT), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Sâm bổ chính thái lát: Loại bỏ tạp chất, rễ con, rửa sạch, thái lát phơi khô để dùng.

Sâm bổ chính chích gừng sao: Cứ 1 kg dược liệu dùng 300 g Gừng tươi. Cách tẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.20. Ủ 1 h, sao nhỏ lửa đến có mùi thơm. Dùng cho người bệnh có cơ địa hàn.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, tránh mốc, mốc.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến. Nếu đổi sang màu vàng thẫm không được dùng.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, hơi nhớt, tính bình. Vào các kinh tỳ, phế.

Công năng, chủ trị

Bổ khí ích huyết, chỉ khát sinh tân dịch, bồi bổ cơ thể. Chủ trị: Cơ thể gầy yếu, suy nhược, ăn ngủ kém, đau lưng, mệt mỏi, chóng mặt hoa mắt; kinh nguyệt không đều, lượng kinh ít, bạch đới; đau thượng vị, đại tiện phân lỏng; trẻ em gầy còm chậm lớn.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 16 g đến 20 g, dạng thuốc sắc. Tán bột dùng độc vị hoặc làm thuốc hoàn theo yêu cầu của bài thuốc. Trẻ em dùng liều bằng 1/2 liều người lớn.

Kiêng kỵ

Cơ địa hư hàn phải sao Gừng trước khi dùng. Kỵ Lê lô.

DUỐC ĐIỀN VIỆT NAM VI

SÂM CAU (Thân rễ)

Curculiginis Rhizoma

Tiên mao

Thân rễ (còn gọi là củ) được làm khô của cây Sâm cau (*Curculigo orchoides* Gaertn.), họ Thủy tiên (Amaryllidaceae). Cây được thu hái quanh năm. Đào lấy củ, loại bỏ đuôi và rễ sợi, rửa sạch, ngâm với nước vo gạo 1 đêm để giảm bớt chất độc, vớt ra rửa sạch, thái lát hoặc để nguyên đem phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Thân rễ hình trụ, hơi cong queo, dài 3 cm đến 10 cm, đường kính 4 mm đến 12 mm. Mặt ngoài màu đen hoặc nâu đen, xù xì, có các lỗ sọc rễ con và nhiều vết nứt ngang. Chất cứng và giòn, dễ bẻ gãy, mặt gãy không phẳng, màu nâu nhạt tới nâu hoặc nâu đen ở giữa. Mùi thơm nhẹ, vị đắng và cay.

Ghi chú: Loại củ màu đen, chắc, ít xơ là loại tốt.

Vĩ phẫu

Lớp vỏ có 3 đến 10 hàng tế bào. Vỏ rộng, thường thấy các bó mạch là vết tích của các rễ con, các tế bào ở mép vỏ chứa tinh thể calci oxalat, nội bì rõ. Các bó mạch của trụ giữa chồng kép, rải rác. Tế bào chứa chất nhầy rải rác trong mô mềm, hình hơi tròn, đường kính 60 µm đến 200 µm, có chứa cụm tinh thể calci oxalat dài 50 µm đến 180 µm. Tế bào mô mềm chứa đầy hạt tinh bột.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - methanol - acid formic* (10 : 1 : 0,1).

Dung dịch thử: Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 20 ml *ethanol* 96 % (TT), đun sôi hồi lưu trên cách thủy 30 min, để nguội, lọc. Bay hơi dịch lọc tới cạn, hòa tan cạn trong 1 ml *ethyl acetat* (TT), gạn lấy lớp dung dịch trong ở phía trên làm dung dịch thử.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 2 g bột Sâm cau (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí ở nhiệt độ phòng. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu. Hoặc phun lên bản mỏng hỗn hợp gồm *dung dịch kali ferocyanid* 2 % (TT) và *dung dịch sắt (III) clorid* (TT) 2 % (1 : 1). Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid hydrocloric

Không quá 2,0 % (Phụ lục 9.7).

Tạp chất

Rễ con và gốc thân: Không quá 4 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 7,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Sâm cau thái lát: Sau khi thu hoạch, bỏ rễ con, tạp chất, rửa sạch, ngâm với nước vo gạo một đêm để giảm bớt chất độc, vớt ra, rửa sạch, thái lát dày 1 cm đến 2 cm, phơi khô.

Sâm cau tẩm muối sao: Cứ 1 kg Sâm cau dùng 300 ml nước muối nồng độ 12 %, tẩm đều, ủ 3 h. Sao có mùi thơm. Tẩm muối để đưa thuốc vào kinh thận với nồng độ cao.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô mát, tránh mốc mọt.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, mọt, nên dùng trong 60 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị cay, tính ôn. Vào kinh thận.

Công năng, chủ trị

Tráng dương, ôn bổ thận. Chủ trị: Trị chứng dương nuy (không cương cứng, hoặc cương cứng không lâu), lạnh tinh (tinh trùng lạnh không thể thụ thai), lưng, hai chân lạnh tê, đầu gối yếu đi lại khó khăn, khả năng sinh dục kém.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 12 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Tương hòa mạnh mắc chứng cường dương, thủy cận, tinh kiệt cấm dùng.

SÂM ĐẠI HÀNH (Thân hành)

Eleutherinis subaphyllae Bulbus

Sâm cau, Tỏi lào, Hành lào, Tỏi đỏ

Thân hành (còn gọi là củ) được làm khô của cây Sâm đại hành (*Eleutherine subaphylla* Gagnep.), họ Lay ơn (Iridaceae). Thu hoạch từ cây 1 năm tuổi trở lên. Khi cây tàn lụi, đào lấy thân hành, cắt bỏ phần rễ, lá, rửa sạch, để nguyên củ hoặc thái lát, phơi hoặc sấy nhẹ (dưới 60 °C) đến khô.

Mô tả

Thân hành tròn như củ hành hay dài, đường kính chỗ lớn nhất 1 cm đến 2 cm, dài 4 cm đến 5 cm, bên ngoài có một vài lớp vảy khô, phần trên màu nâu, phần dưới màu đỏ,

các lớp bên trong màu đỏ tươi như máu. Cắt ngang củ thấy những vòng đồng tâm màu đỏ nhạt. Củ còn mang một ít rễ nhỏ, dài 1 cm đến 3 cm. Dược liệu thái lát: Gồm các phiến nhỏ, mỏng, dài 4 cm đến 5 cm, màu đỏ tươi, rời rạc hoặc chụm với nhau trên một phần của gốc thân.

Vị phẫu

Cắt ngang lớp vảy mỏng nước thấy: Biểu bì ngoài gồm một hàng tế bào hình chữ nhật xếp đều đặn. Mô mềm có nhiều hạt tinh bột và tinh thể calci oxalat hình que. Bó libe- gỗ chông kép hình trái xoan nằm giữa lớp mô mềm, libe bao bọc hai đầu, gỗ ở giữa, mạch gỗ ít, xếp lộn xộn, lớp biểu bì trong gồm một hàng tế bào hình chữ nhật, mỏng hơn biểu bì ngoài.

Bột

Bột màu hồng, vị lúc đầu hơi đắng, sau ngọt. Soi kính hiển vi thấy nhiều hạt tinh bột đa dạng, kích thước mỗi hạt 1,6 µm đến 40 µm, một số hạt nhìn rõ rón. Tinh thể calci oxalat hình que, có loại đầu nhọn trông như đầu bút chì, có loại đầu tù. Mạch mạch. Mạch mô mềm chứa hạt tinh bột. Mạch biểu bì ngoài. Mạch biểu bì trong.

Độ ẩm

Không quá 10,0 % (Phụ lục 12.13). Dùng 10 g dược liệu cắt nhỏ.

Tạp chất

Không quá 1 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Chế biến

Lấy dược liệu khô chưa thái lát, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày, phơi hoặc sấy khô. Nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến và với dược liệu thái lát.

Bảo quản

Dược liệu chưa thái lát: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm, mốc, mọt.

Dược liệu đã thái lát và đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm, mốc, mọt. Nên dùng trong 30 ngày sau khi phơi sấy khô.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, nhạt, tính hơi ấm. Vào kinh tỳ, vị, can, phế.

Công năng, chủ trị

Tư âm dưỡng huyết, chi huyết sinh cơ, giảm ho. Chủ trị: Thiếu máu, hoa mắt, chóng mặt, choáng váng, nhức đầu, vàng da mặt môi, tổn thương ứ huyết ngoài da, mụn nhọt, lở ngứa.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 8 g đến 12 g, có thể dùng 16 g, dạng thuốc sắc. Có thể ngâm rượu: cứ 500 g Sâm đại hành khô ngâm với 2 L rượu 40°, sau 30 ngày lấy dịch ngâm uống vào bữa ăn tối, mỗi lần uống 30 ml đến 50 ml, giúp tiêu hóa tốt đối với người cao tuổi.